

Bản án số: 48/2023/HS-PT

Ngày: 12 - 6 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Lê Thị T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản.

- **Bị cáo:** Họ và tên Lê Thị T, sinh năm 1995; tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: Tổ dân phố số 13, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Đỗ Duy M và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 18-8-2022 cho đến nay.

- **Bị hại:** Chị Vũ Thị D; sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: A2P6, tập thể S, phường N, thành phố N, tỉnh N.

Nơi ở: Xóm 9, xã T, huyện V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D là: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1997; Địa chỉ: số 17 T, toà nhà C37 Bộ Công an, phường T, quận N, thành phố H (Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 15-5-2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Phạm Xuân T1; sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: A2P6, tập thể S, phường N, thành phố N, tỉnh N; nơi ở: Xóm 9, xã T, huyện V, tỉnh N.

2. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1970;

3. Chị Lê Thị H2; sinh năm 1991;

4. Chị Lê Thị N; sinh năm 1993;

5. Anh Lê Tuấn A; sinh năm 1999;

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ dân phố số 13, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A là: Bị cáo Lê Thị T; sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh N; nơi ở: Tổ dân phố số 13, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 11-5-2023).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Nam P; sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N.

2. Điều tra viên: Ông Bùi Lê N; cơ quan công tác: Công an huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo T, chị D, ông T, anh T1; vắng mặt bà H1, chị H2, chị N, anh Tuấn A, ông N và anh P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do nghi ngờ chị Vũ Thị D đang ở xóm 9, xã T, huyện V, tỉnh N và ông Lê Văn T ở tổ dân phố 13, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N (là bố của Lê Thị T) có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với nhau. Nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22-02-2022, anh Lê Tuấn A, chị Lê Thị H2, chị Lê Thị N và bị cáo T đã cùng nhau đến nơi ở của chị D ở xóm 9, xã T, huyện V, tỉnh N, với mục đích yêu cầu chị D chấm dứt mối quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với ông T. Nhưng khi chị H2, chị N, anh Tuấn A và bị cáo T đến nơi thì chị D không chịu ra gặp để nói chuyện thì chị H2, chị N, anh Tuấn A và bị cáo T đã đứng trước cửa nhà ở của chị D chửi bới chị D và gia đình chị D với những lời lẽ như: Nói chị D là con đĩ, chuyên đi cướp chồng người khác... xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị D. Sự việc diễn ra khoảng tầm 30 phút thì Công an xã T, huyện V, tỉnh N đến làm việc, lúc này chị H2, chị N, anh Tuấn A và bị cáo T mới bỏ đi. Công an xã Tân Thành đã mời vợ chồng chị D lên trụ sở Công an xã Tân Thành để làm việc, chồng của chị D là anh Phạm Xuân T1 cho biết sự việc xảy ra cãi chửi nhau là hiểu lầm giữa hai bên và anh T1 đã xin tự giải quyết với nhau nên Công an xã Tân Thành đã không lập hồ sơ vụ việc.

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 11-6-2022, bà Nguyễn Thị H1 đã cùng với các con của mình là chị H2, chị N và bị cáo T đi xe ô tô BKS 18A-038.51 đến nơi ở

của chị D ở xóm 9, xã Tân Thành để yêu cầu chị D chấm dứt mối quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với ông T. Khi bà H1, chị H2, chị N và bị cáo T đi đến đoạn đường Quốc lộ 10 thuộc địa phận xóm 9, xã T, huyện V, tỉnh N thì thấy chị D đang đi bộ từ nhà ở của chị D sang bên kia đường tới vị trí chiếc xe ô tô đang đỗ ở lề đường Quốc lộ 10 theo hướng thị trấn Gôi đi thành phố Nam Định, đối diện với nhà ở của chị D. Khi chị D chuẩn bị lên xe ô tô, thì bị cáo T chạy đến dùng tay túm áo chị D, lôi chị D ra phía đầu xe ô tô của chị D rồi dùng tay chân đánh vào người chị D. Cùng lúc này bà H1 và chị H2, chị N cũng đi đến chửi bới đồng thời túm tóc, túm quần áo của chị D và dùng tay chân đánh vào người, vào vùng kín của chị D. Thấy chị D bị đánh, chửi anh Phạm Xuân T1 là chồng của chị D xuống xe can ngăn bà H1, chị H2, chị N và bị cáo T không cho đánh chị D nữa. Trong lúc mọi người đánh, chửi chị D thì bị cáo T có nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A72 màu đen của chị D ở trong túi quần của chị D thò ra, bị cáo T liền dùng tay rút lấy chiếc điện thoại Samsung A72 màu đen của chị D rồi bỏ vào trong chiếc túi sách mà bị cáo đang đeo ở trên người, với mục đích để xem nội dung tin nhắn giữa chị D và ông T, lúc này bà H1 cũng cầm ba lô và túi xách của chị D vứt sang phía đường sắt Bắc - Nam. Sau đó bà H1 và bị cáo T lại tiếp tục đánh, chửi chị D. Sự việc bà H1, chị H2, chị N và bị cáo T đánh, chửi chị D được anh Phạm Xuân T1 là chồng của chị D và anh Vũ Nam P can ngăn thì chị D đã bỏ chạy được khỏi hiện trường. Khi chị D bỏ chạy thì bà H1, chị H2, chị N và bị cáo T tiếp tục đuổi theo nhưng không đuổi được và trên đường đi bộ quay trở về vị trí chiếc xe ô tô của mình thì bị cáo T có rút chiếc điện thoại vừa lấy được của chị D ra và nói cho bà H1 biết về việc bị cáo lấy được chiếc điện thoại của chị D thì bà H1 có bảo bị cáo T là “Lấy của nó làm gì, trả lại cho nó”. Sau khi nghe bà H1 nói vậy, bị cáo T lại bỏ chiếc điện thoại của chị D vào trong túi sách đang đeo ở trên người và đi về vị trí hông của chiếc xe ô tô của vợ chồng chị D rồi lấy chiếc điện thoại của chị D ra vứt luôn xuống ao bèo tiếp giáp với đường sắt Bắc - Nam tại vị trí cách ngã ba đường Quốc lộ 10 và đường rẽ vào UBND xã Tân Thành khoảng 50m. Sau đó bà H1, chị H2, chị N và bị cáo T lên xe ô tô của mình đi về nhà. Toàn bộ diễn biến sự việc đã được Camera hành trình trên xe ô tô của vợ chồng chị D ghi lại được.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo T, ngày 25-7-2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã tiến hành truy tìm chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A72 màu đen của chị D. Kết quả đã truy tìm thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A72 màu đen của chị D tại ao bèo tiếp giáp với đường sắt Bắc - Nam tại vị trí cách ngã ba đường Quốc lộ 10 và đường rẽ vào UBND xã Tân Thành khoảng 50m nhưng chiếc điện thoại đã bị hư hỏng hoàn toàn và không có gắn thẻ sim và ốp lưng điện thoại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã trưng cầu định giá tài sản chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A72 màu đen của chị D và trưng cầu giám định pháp y về thương tích của chị D.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15/KL-HĐ ngày 27-7-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Vụ Bản đã kết luận: Chiếc điện thoại Samsung A72 màu đen của chị D bị hư hỏng hoàn toàn không sử dụng được. Giá trị còn lại theo sổ khấu hao là: 7.953.000 đồng. Giá trị hiện tại theo giá thị trường là: 10.000 đồng. Giá trị thiệt hại là: 7.943.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 199/22TgT ngày 20-7-2022 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Hà Nam đã kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị D do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 08%; cơ chế hình thành vết thương: Sây sát da do tác động với vật có góc cạnh gây nên.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã thu giữ các đồ vật, tài liệu như sau:

- Thu giữ tại hiện trường truy tìm vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A72 màu đen không có sim (điện thoại đã bị hư hỏng không sử dụng được).

- Thu giữ của chị D giao nộp: 01 bản phô tô giấy ra viện ngày 21-6-2022 của Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Sài Gòn - Nam Định, mang tên người bệnh Vũ Thị D; 01 bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngày 28-6-2022 của Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Sài Gòn - Nam Định, mang tên người bệnh Vũ Thị D; 01 giấy biên nhận thanh toán điện thoại ngày 06-9-2021 của Chi nhánh Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT, mang tên khách hàng Vũ Thị D.

- Thu giữ của bị cáo T giao nộp: Số tiền 7.943.000 đồng và 01 USB màu trắng bạc nhãn hiệu TOSHIBA dung lượng 4 GB, trong lưu giữ 01 File ghi âm có thời lượng 26 phút 56 giây.

- Thu giữ của Công an xã Tân Thành giao nộp: 01 USB lưu trữ 02 video liên quan đến vụ việc.

- Thu giữ của ông Phạm Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của chị D giao nộp: 01 USB màu đỏ dung lượng 08 GB.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản, bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A đã khai báo về toàn bộ nội dung sự việc xảy ra trong các ngày 22-02-2022 và ngày 11-6-2022 cũng như hành vi phạm tội của bị cáo T đúng như là nội dung đã nêu ở trên.

Về hành vi chửi bới, xúc phạm chị D vào ngày 22-02-2022 của bị cáo T, chị H2, chị N, anh Tuấn A và hành vi đánh gây thương tích cho chị D vào ngày 11-6-2022 của bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N thì ngày 14-10-2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo T, chị H2, chị N, anh Tuấn A về hành vi “Xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác” và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra chị D đã yêu cầu bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị D tổng số tiền là: 242.200.000 đồng (gồm tiền điều trị liên quan đến thương tích, tiền giá trị của chiếc điện thoại, tiền thuê Luật sư, tiền bồi thường danh dự...) nhưng bị cáo T chỉ đồng ý bồi thường cho chị D giá trị của chiếc điện thoại Samsung A72 theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vụ Bản đã kết luận, với số tiền là 7.943.000 đồng, còn lại các khoản yêu cầu bồi thường khác thì cả bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A đều không đồng ý với mức yêu cầu bồi thường của chị D đã yêu cầu và chỉ đồng ý bồi thường trên cơ sở quyết định của Tòa án.

Cáo trạng số 56/CT-VKSVB ngày 11-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử chị D đã yêu cầu bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị D các khoản tiền như sau: Tiền giá trị của chiếc điện thoại Samsung A72 là 7.943.000 đồng; Tiền điều trị thương tích tại Bệnh viện theo hóa đơn là 13.750.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất trong thời gian nằm viện gồm 02 khoản, tiền lương làm việc tại Công ty TNHH thương mại và P triển giáo dục Quốc Tế Hưng Thịnh $423.000\text{đ}/\text{ngày} \times 08 \text{ ngày} = 3.384.000\text{đ}$, tiền thu nhập do bán hàng Online $476.000\text{đ}/\text{ngày} \times 10 \text{ ngày} = 4.760.000 \text{ đồng}$; Tiền công người phục vụ trong thời gian chị D nằm viện $3.000.000\text{đ}/\text{ngày} \times 10 \text{ ngày} = 30.000.000 \text{ đồng}$; Tiền bù đắp về danh dự, nhân phẩm và uy tín 10 tháng lương $\times 1.450.000\text{đ}/\text{tháng} = 14.500.000 \text{ đồng}$; Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 50 tháng lương $\times 1.450.000\text{đ}/\text{tháng} = 72.500.000 \text{ đồng}$ và tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 1.000.000 đồng. Nhưng bị cáo T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A chỉ đồng ý bồi thường cho chị D các khoản tiền: Giá trị của chiếc điện thoại; tiền chị D chi phí điều trị thương tích tại Bệnh viện; tiền bị mất thu nhập của chị D làm việc tại Công ty TNHH thương mại và P triển giáo dục Quốc Tế Hưng Thịnh và tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho chị D. Còn các khoản yêu cầu bồi thường còn lại thì bị cáo T không đồng ý với mức yêu cầu bồi thường mà chị D đã yêu cầu. Trường hợp nếu chị D đồng ý với mức bồi thường tổng tất cả các khoản là 50.000.000 đồng thì bị cáo sẽ tự nguyện bồi thường đầy đủ cho chị D 50.000.000 đồng, còn nếu chị D không đồng ý với mức bồi thường tổng tất cả các khoản là 50.000.000 đồng thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị D đã không đồng ý với mức bồi thường tổng tất cả các khoản là 50.000.000 đồng. Ngày 22-12-2022 bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản để bồi thường thiệt hại cho chị D.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 24-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, đã quyết định: Căn cứ

vào khoản 1 Điều 178; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. T bị cáo Lê Thị T phạm tội “Huỷ hoại tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 02-3-2023, bị hại chị Vũ Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm vụ án “Huỷ hoại tài sản” của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản xét xử ngày 24-02-2023. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa ông Lê Văn T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm xét xử ngày 24-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản và yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trường hợp có dấu hiệu của hành vi tội xâm phạm hoạt động tư pháp đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định kiến nghị khởi tố theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị hại và Người đại diện theo ủy quyền của bị hại vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Vũ Thị D số tiền 150.000.000đ, nếu bị cáo T không đồng ý thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo T trình bày không đồng ý với mức đề nghị bồi thường của bị hại và Người đại diện theo ủy quyền của bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Đơn kháng cáo của bị hại hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Vũ Thị D; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ N bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục: Đơn kháng cáo của bị hại chị Vũ Thị D làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 11-6-2022, tại Quốc lộ 10 thuộc địa phận xóm 9, xã T, huyện V, tỉnh N, trong lúc Lê Thị T cùng mẹ đẻ bà Nguyễn Thị H1 và các chị gái chị Lê Thị H2, chị Lê Thị N có hành vi dùng tay chân đánh vào người vào vùng kín của chị Vũ Thị D thì Lê Thị T đã rút lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A72 màu đen trong túi quần của chị D sau đó ném xuống ao bèo làm cho chiếc điện thoại di động này bị hư hỏng hoàn toàn trị giá thiệt hại 7.943.000đ.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị T về tội “Huỷ hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 179 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị hại và người đại diện theo uỷ quyền cho rằng bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự là chưa có đủ cơ sở. Bởi vì, động cơ mục đích của bị cáo chỉ lấy chiếc điện thoại di động của chị D là để xem tin nhắn giữa chị D và ông T, chứ bị cáo không có động cơ, mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại di động này của chị D. Do đó, quan điểm truy tố, luận tội và xét xử của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản về hành vi phạm tội của bị cáo T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt Lê Thị T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi mà bị cáo thực hiện.

[5]. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định Hành vi của bị cáo Lê Thị T là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và tương xứng với nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung; Bị hại và Người đại diện theo uỷ quyền không đưa ra được tình tiết mới nào khác để Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét. Như vậy, không có lý do gì để thay đổi quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt.

[6]. Xét hành vi chửi bới, xúc phạm chị D vào ngày 22-02-2022 của bị cáo T, của chị H2, của chị N và của anh Tuấn A thì thấy Công an xã Tân Thành đã mời vợ chồng chị D lên trụ sở để làm việc nhưng chồng của chị D là anh Phạm Xuân T1 cho biết việc xảy ra cãi nhau là do hiểu lầm giữa hai bên và xin tự giải quyết với nhau. Do đó, hành vi này của bị cáo T, chị H2, chị N và anh Tuấn A chưa đủ các yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Hình sự. Ngày 14-10-2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị

cáo T, chị H2, chị N và anh Tuấn A về hành vi “Xúc phạm, lăng mạ, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31-12-2021 của Chính phủ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Xét hành vi gây đánh thương tích cho chị D vào ngày 11-6-2022 của bà H1, của bị cáo T, của chị H2 và của chị N thì thấy thương tích của chị D chỉ có 08% và việc thực hiện hành vi này của bà H1, của bị cáo T, của chị H2 và của chị N là bột P, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, ngoài ra thì giữa hai bên cũng đã có sự mâu thuẫn với nhau từ trước đó. Do đó, chưa đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra thì việc bà H1, bị cáo T, chị H2 và chị N đánh chị D trên đường Quốc lộ 10 chỉ diễn ra trong khoảng thời gian ngắn, không làm ảnh hưởng đến trật tự trị an nơi công cộng và cũng không gây ùn tắc giao thông tại đường Quốc lộ 10 ở khu vực đó. Do đó, cũng chưa đủ các yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Nên, ngày 14-10-2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà H1, bị cáo T, chị H2 và chị N về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31-12-2021 của Chính phủ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Xét các khoản tiền mà chị Vũ Thị D đã yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị gồm: Tiền giá trị của chiếc điện thoại SamSung A72 là 7.943.000 đồng; Tiền điều trị thương tích tại Bệnh viện là: 13.750.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất trong thời gian nằm viện tổng cộng là: 8.144.000 đồng và tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe là: 1.000.000 đồng thì thấy các khoản tiền này là chưa hợp lý và không phù hợp với quy định của pháp luật. Nhưng xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A đã tự nguyện đồng ý bồi thường cho chị D toàn bộ các khoản tiền mà chị D đã yêu cầu bồi thường này. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này của bị cáo.

[9]. Xét các khoản tiền chị Vũ Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường: Tiền công người phục vụ trong thời gian chị nằm viện là $3.000.000\text{đ}/\text{ngày} \times 10 \text{ ngày} = 30.000.000 \text{ đồng}$; Tiền bù đắp danh dự, nhân phẩm và uy tín là: 10 tháng lương cơ sở $\times 1.450.000\text{đ}/\text{tháng} = 14.500.000 \text{ đồng}$ và tiền bù đắp về tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là: 50 tháng lương cơ sở $\times 1.450.000\text{đ}/\text{tháng} = 72.500.000 \text{ đồng}$ thì thấy trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo T đều không đồng ý với mức yêu cầu bồi thường này của chị D. Xét các khoản tiền chị D yêu cầu bồi thường bị cáo phải bồi thường thì thấy: tiền công người phục vụ trong thời gian chị nằm viện là 30.000.000 đồng là không phù hợp với thu nhập thực tế của anh T1, vì theo Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH thương mại và P triển giáo dục Quốc Tế Hưng Thịnh và T1 ký kết ngày 20-6-2018 thể hiện tổng thu nhập của anh T1 tại Công ty TNHH thương mại và P triển giáo dục Quốc Tế Hưng Thịnh có 20.000.000 đồng/tháng; mặt khác thì cho đến nay cả chị D và anh T1 cũng không cung cấp

cho Tòa án được bắt cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngoài thu nhập tại Công ty TNHH thương mại và P triển giáo dục Quốc Tế Hưng Thịnh ra thì anh T1 còn có thu nhập nào khác nữa. Nên, chỉ có căn để xác định khoản tiền anh T1 bị mất thu nhập trong thời gian anh T1 nghỉ làm để đi phục vụ chị D ở Bệnh viện là: 20.000.000đ : 30 ngày x 10 ngày = 6.666.500 đồng và cần buộc bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A phải bồi thường cho chị D về khoản yêu cầu bồi thường này, số tiền là: 6.666.500 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền bù đắp danh dự, nhân phẩm và uy tín là 14.500.000 đồng và khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 72.500.000 đồng chị D yêu cầu bị cáo phải bồi thường hai khoản này là quá cao và không phù hợp với quy định của pháp luật, vì các hành vi mà bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A đã thực hiện đối với chị D chỉ gây tổn hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín và tinh thần của chị D ở mức độ không lớn, ngoài ra thì việc chị D yêu cầu bồi thường về các khoản tiền này tương ứng với lại mức lương cơ sở hiện nay do Nhà nước quy định là 1.450.000đ/tháng cũng không chính xác, vì mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm hiện nay là 1.490.000đ/tháng. Vì vậy, chỉ có căn cứ buộc bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A bồi thường cho chị D khoản tiền bù đắp về danh dự, nhân phẩm và uy tín tương đương với 05 tháng lương cơ sở, số tiền là: 7.450.000 đồng và khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần tương đương với 10 tháng lương cơ sở, số tiền là: 14.900.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng cộng cần buộc bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A phải bồi thường cho chị D là: 59.853.500 đồng và được trừ đi số tiền 47.943.000 đồng mà bị cáo T đã tự nguyện nộp tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tự nguyện bồi thường cho chị D. Sau khi trừ buộc bị cáo T, bà H1, chị H2, chị N và anh Tuấn A còn phải bồi thường tiếp cho chị D, số tiền là: 11.910.500 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T đã tự nguyện một mình nhận toàn bộ trách nhiệm bồi thường cho chị D và tự nguyện bỏ toàn bộ tiền của bị cáo để bồi thường cho D. Nên, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[10]. Về xử lý vật chứng: Hoàn trả lại cho chị D chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A72 màu đen không có sim.

[11] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[13] Bị hại Vũ Thị D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Thị D, giữ N bản án sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 24-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

T bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại chị Vũ Thị D không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND - CA tỉnh Nam Định;
- TAND – VKS – CA huyện Vụ Bản;
- Chi cục THA huyện Vụ Bản;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

(Đã ký)